TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lương Khoa

2. Ông Hồ Phi Công

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc " *ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Diễm C,** sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp V, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Phạm Như Triều B,** sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp V, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2022 bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phan Diễm C trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị Phan Diễm C và anh Phạm Như Triều B chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đây là kết hôn lần đầu của hai anh chị. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, anh B không có trách

nhiệm với gia đình, thường xuyên đi nhậu dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Như Triều B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Như Chí N, sinh ngày 16/4/2008; Phạm Như Trí H, sinh ngày 28/3/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: chị C và anh B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Như Triều B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phan Diễm C về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng theo anh trong quá trình chung sống, anh làm nghề sửa chữa máy lạnh, tủ lạnh hay gặp bạn bè, đôi lúc đi nhậu nên chị C không hài lòng dẫn đến vợ chồng không vui vẻ, hòa thuận. Nay chị C yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con.

Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung như chị C trình bày. Nếu chị C yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung là Phạm Như Chí N, sinh ngày 16/4/2008; Phạm Như Trí H, sinh ngày 28/3/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh B khai vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Chị Phan Diễm C và anh Phạm Như Triều B thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh chị không tự hàn gắn mà cũng không cho nhau cơ hội nên cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt, không hạnh phúc, anh chị không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị thỏa thuận giao 02 con chung tên Phạm Như Chí N, sinh ngày 16/4/2008; Phạm Như Trí H, sinh ngày 28/3/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị C nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phan Diễm C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Phạm Như Triều B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng

anh B vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 và xét xử vắng mặt anh B là phù hợp khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Diễm C khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Như Triều B nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Chị Phan Diễm C và anh Phạm Như Triều B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị C yêu cầu ly hôn với anh B nhưng anh B không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn thương yêu chị, tuy nhiên trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho hai vợ chồng hàn gắn tình cảm, anh B vẫn không thay đổi tính tính mà bỏ mặc chị C, không quan tâm đến gia đình, hiện nay anh B và chị C đã không còn chung sống với nhau nên anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng nên chị C yêu cầu ly hôn với anh B thì căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh Phạm Như Triều B.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Như Chí N, sinh ngày 16/4/2008; Phạm Như Trí H, sinh ngày 28/3/2012. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét thấy, hai cháu Chí N, Trí H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Mặt khác, anh B cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị C nuôi nên giao 02 cháu Phạm Như Chí N, Phạm Như Trí H cho chị Phan Diễm C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Như Triều B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị Phan Diễm C mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu)/02 cháu cho đến khi hai cháu Chí N, Trí H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[6] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh chị khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Phan Diễm C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Anh Phạm Như Triều B phải nộp 300.000đồng về án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

[9] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật

tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Diễm C được ly hôn với anh Phạm Như Triều B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Như Chí N, sinh ngày 16/4/2008; Phạm Như Trí H, sinh ngày 28/3/2012 cho chị Phan Diễm C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Như Triều B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị Phan Diễm C mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu*) cho đến khi hai cháu Phạm Như Chí Nhân và Phạm Như Trí Nhân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Phạm Như Triều B được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị Phan Diễm C và anh Phạm Như Triều B được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Phan Diễm C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị C đã nộp tại C cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0006265 ngày 11/3/2022 được tính trừ vào án phí.

Anh Phạm Như Triều B phãi nộp 300.000 đồng(Ba trăm ngàn) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Chị Phan Diễm C và anh Phạm Như Triều B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- C cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang